

BÀI 2: BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



Câu hỏi khởi động:

Bạn có thể liệt kê được bao nhiêu cơ quan nhà nước trong bộ máy nhà nước ta hiện nay? Hãy liệt kê nhanh trong vòng 5 phút và kiểm chứng lại bằng bài học dưới đây.

Nội dung	Mục tiêu
<ul style="list-style-type: none"> Nghiên cứu tổ chức bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nghiên cứu cách thức hình thành, chức năng và cơ cấu tổ chức của từng hệ thống cơ quan trong bộ máy nhà nước. 	<ul style="list-style-type: none"> Giúp học viên hiểu được cơ cấu tổ chức bộ máy Nhà nước ở Việt Nam hiện nay. Trang bị những kiến thức cơ bản nhất về vai trò, chức năng và tổ chức của từng cơ quan cấu thành bộ máy nhà nước.
Thời lượng	Hướng dẫn học
<ul style="list-style-type: none"> 5 tiết học 	<p>Để học tốt bài này, học viên cần tham khảo các phương pháp và tài liệu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tham dự đầy đủ các buổi học trực tuyến, đảm bảo lịch trình học tập. Đọc tài liệu, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> Giáo trình Pháp luật đại cương của chương trình TOPICA; Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001). Thảo luận với giáo viên và học viên về các vấn đề chưa nắm rõ.

Bộ máy nhà nước là hệ thống các cơ quan từ trung ương đến địa phương bao gồm nhiều loại cơ quan như cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp và cơ quan tư pháp. Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được cấu thành từ năm cơ quan, bao gồm: cơ quan quyền lực nhà nước, cơ quan Chủ tịch nước, cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan xét xử và cơ quan kiểm sát. Dưới đây chúng ta sẽ nghiên cứu cách thức hình thành, chức năng và nhiệm vụ của từng cơ quan đó.

2.1. Cơ quan quyền lực Nhà nước

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân. *Nhà nước thực hiện chức năng của mình thông qua bộ máy Nhà nước, đó là hệ thống các cơ quan từ trung ương đến địa phương được tổ chức theo nguyên tắc chung, thống nhất, tạo thành một cơ chế đồng bộ để thực hiện các chức năng của Nhà nước.*

Theo quy định của Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001), bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm: Cơ quan quyền lực nhà nước, chủ tịch nước, cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan xét xử và cơ quan kiểm sát.



Phiên họp của Quốc hội

Điều 2 Hiến pháp năm 1992 quy định: “*Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp*”.

Như vậy, bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có thể gồm nhiều cơ quan khác nhau song hoạt động của chúng đều mang tính thống nhất, thể hiện ở việc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Nói cách khác, ở nước ta không có sự phân chia quyền lực giữa các cơ quan nhà nước và trong hoạt động của mình các cơ quan nhà nước không mang tính đối trọng và kiểm chế lẫn nhau. Quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân nên nhân dân bầu ra cơ quan quyền lực nhà nước bao gồm Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp. Các cơ quan nhà nước khác đều được thành lập và chịu sự giám sát bởi cơ quan quyền lực nhà nước.

Theo quy định của Hiến pháp năm 1992, cơ quan quyền lực nhà nước ở Việt Nam bao gồm Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp. Vì tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân nên nhân dân là người trực tiếp bầu ra Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Những cơ quan này nhân danh nhân dân để thực hiện và thực thi một cách thống nhất quyền lực, chịu trách nhiệm và báo cáo trước nhân dân về mọi hoạt động của mình.

2.1.1. Quốc hội

Điều 83 Hiến pháp năm 1992 quy định “Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

Với tính chất là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất nên Quốc hội có ba chức năng cơ bản sau:

- Chức năng lập hiến và lập pháp;

- **Chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước** như các chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại, nhiệm vụ kinh tế – xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước, những nguyên tắc chủ yếu về tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước, về quan hệ xã hội và hoạt động của công dân;
- **Chức năng giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước.**

Nhiệm kỳ của mỗi khóa Quốc hội là năm năm, trừ trường hợp đặc biệt, nếu được ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành, thì Quốc hội có thể rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ của mình. Quốc hội họp mỗi năm hai lần (trừ trường hợp họp bất thường) theo sự triệu tập của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Luật, Nghị quyết chỉ được thông qua nếu có ít nhất 1/2 tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành. Đối với các vấn đề như bãi nhiệm đại biểu Quốc hội, rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ Quốc hội, sửa đổi Hiến pháp thì phải được ít nhất 2/3 tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành.

Quốc hội chỉ họp mỗi năm hai lần bởi vậy cần có cơ quan thường trực, thực hiện chức năng ủy quyền của Quốc hội để giải quyết các công việc giữa hai kỳ họp, đó chính là Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ngoài ra, trong cơ cấu tổ chức của Quốc hội còn có Hội đồng dân tộc và các Ủy ban. Theo quy định của Luật Tổ chức Quốc hội năm 2001 (sửa đổi, bổ sung năm 2007), hiện nay Quốc hội có 9 Ủy ban, bao gồm: Ủy ban Pháp luật, Ủy ban Tư pháp, Ủy ban Kinh tế, Ủy ban Tài chính – ngân sách, Ủy ban Quốc phòng và an ninh, Ủy ban Văn hóa, giáo dục, thanh niên, thiếu niên và nhi đồng, Ủy ban về các vấn đề xã hội, Ủy ban Khoa học, công nghệ và môi trường và Ủy ban đối ngoại.

2.1.2. Hội đồng nhân dân

Về Hội đồng nhân dân, Điều 119 Hiến pháp năm 1992 quy định: “Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, do nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên”.

Các đơn vị hành chính ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được chia thành ba cấp: tỉnh, huyện và xã. Hội đồng nhân dân được tổ chức tương ứng với ba cấp đơn vị nêu trên, theo đó có Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã. Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương nên có quyền ban hành Nghị quyết về các vấn đề sau:

- Bảo đảm thi hành nghiêm chỉnh Hiến pháp và pháp luật ở địa phương;
- Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội và ngân sách;
- Quốc phòng, an ninh ở địa phương;
- Các biện pháp ổn định và nâng cao đời sống của nhân dân, hoàn thành mọi nhiệm vụ cấp trên giao cho, làm tròn nghĩa vụ đối với cả nước.

2.2. Chủ tịch nước

Điều 101 Hiến pháp năm 1992 quy định: “Chủ tịch nước là người đứng đầu nhà nước, thay mặt nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại”. Theo quy định tại Điều 102 Hiến pháp năm 1992 thì Chủ tịch nước do Quốc hội bầu ra trong số các đại biểu Quốc hội, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội.

Chủ tịch nước là nguyên thủ quốc gia, không thuộc cơ quan lập pháp, hành pháp hay tư pháp mà là một cơ quan đặc biệt, đóng vai trò phối hợp hoạt động của các cơ quan nhà nước khác.

Vị trí đứng đầu nhà nước (nguyên thủ quốc gia) được thể hiện thông qua thẩm quyền của Chủ tịch nước. Chủ tịch nước đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quốc phòng và an ninh, có quyền thống lĩnh các lực lượng vũ trang nhân dân, tuyên bố tình trạng chiến tranh, ra lệnh tổng động viên, công bố tình trạng khẩn cấp, quyết định đặc xá, phong hàm, cấp các huân huy chương và các danh hiệu cao quý của Nhà nước, cử, triệu hồi, tiếp nhận đại sứ, ký kết các điều ước quốc tế...

Vị trí đặc biệt trong phối hợp hoạt động của các cơ quan nhà nước thể hiện ở chỗ, Chủ tịch nước có những quyền hạn nhất định trong cả ba lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp.



**Văn phòng
Chủ tịch nước**

- **Liên quan đến hoạt động lập pháp,** Chủ tịch nước có quyền công bố Hiến pháp, luật, pháp lệnh, qua đó các văn bản pháp luật này mới có hiệu lực đầy đủ và được thực hiện trên thực tế. Hơn nữa, Chủ tịch nước có quyền yêu cầu Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét lại Pháp lệnh, Nghị quyết khi xét thấy những văn bản này có dấu hiệu trái Hiến pháp, luật.
- **Liên quan đến hoạt động hành pháp,** Chủ tịch nước có quyền đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức một số chức danh quan trọng thuộc Chính phủ như Phó Thủ tướng, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ.
- **Liên quan đến hoạt động tư pháp,** Chủ tịch nước có quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức phó chánh án, thẩm phán toà án nhân dân tối cao, phó viện trưởng, kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

Như vậy, bên cạnh vai trò là người đứng đầu Nhà nước, Chủ tịch nước còn là người điều hoà, phối hợp hoạt động của các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

2.3. Cơ quan quản lý nhà nước (còn gọi là cơ quan hành chính nhà nước)

Cơ quan quản lý nhà nước bao gồm: Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp và các Sở, Phòng, Ban thuộc Ủy ban nhân dân. Chính phủ và Ủy ban nhân dân được coi là cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền chung, quản lý hành chính nhà nước trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội và hoạt động theo chế độ tập thể. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Sở, Phòng, Ban là cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền chuyên môn, thực hiện quản lý nhà nước trong phạm vi ngành hoặc lĩnh vực nhất định và hoạt động theo chế độ thủ trưởng. Quyết định của những người đứng đầu các cơ quan này cũng là quyết định của cơ quan.

Theo Hiến pháp năm 1992 thì nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, nhân dân bầu ra Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp để thay mặt mình thực hiện quyền lực tối cao đó. Chính vì vậy, tất cả các cơ quan nhà nước đều được hình thành từ cơ quan quyền lực. Theo nguyên tắc này, Quốc hội sẽ bầu ra Chính phủ còn Ủy ban nhân dân do Hội đồng nhân dân cùng cấp hình thành nên.

Đối với Chính phủ, Điều 109 Hiến pháp năm 1992 quy định:

“Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội, cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Chính phủ thống nhất quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Nhà nước, bảo đảm hiệu lực của bộ máy nhà nước từ trung ương đến cơ sở, bảo đảm việc tôn trọng và chấp hành Hiến pháp và pháp luật, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm ổn định và nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân. Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác với Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước”.

Hiện nay cơ quan hành chính nhà nước cao nhất được gọi là Chính phủ, tuy nhiên có những thời kỳ, cơ quan này còn có tên gọi là Hội đồng bộ trưởng (Hiến pháp năm 1980), hoặc bao gồm Chủ tịch nước và Nội các (theo Hiến pháp năm 1946).

Đối với Bộ, cơ quan ngang Bộ, Điều 22 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2001 quy định:

“Bộ, Cơ quan ngang Bộ là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với ngành hoặc lĩnh vực công tác trong phạm vi cả nước, quản lý các dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực, thực hiện đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước theo quy định của pháp luật”.

Theo quy định của pháp luật hiện nay Việt Nam có 18 Bộ, bao gồm: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Công thương, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Xây dựng, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ, Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Văn hóa, Bộ Thể thao và Du lịch, Bộ Tài nguyên và Môi trường. Bên cạnh đó trong cơ cấu của Chính phủ còn có 4 cơ quan ngang Bộ là Thanh tra Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban dân tộc và Văn phòng Chính phủ.

Đối với Ủy ban nhân dân, Điều 123 Hiến pháp năm 1992 quy định: Ủy ban nhân dân do Hội đồng nhân dân bầu là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính Nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm chấp hành Hiến pháp, luật, các văn bản của các cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

Như vậy, Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp đều là cơ quan chấp hành của cơ quan quyền lực nhà nước là Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Hơn nữa, với tư cách là cơ quan hành chính Nhà nước, Chính phủ và Ủy ban nhân dân còn đóng vai trò là cơ quan điều hành hoạt động quản lý Nhà nước, thể hiện ở chỗ trong hoạt động của mình, các cơ quan hành chính nhà nước có quyền nhân danh quyền lực nhà nước ban hành các văn bản pháp quy hoặc ra các quyết định, chỉ thị, mệnh lệnh có hiệu lực bắt buộc đối với các cơ quan, đơn vị và công dân có liên quan.

Điều 124 Hiến pháp năm 1992 quy định: *“Ủy ban nhân dân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn do pháp luật quy định, ra quyết định, chỉ thị và kiểm tra việc thi hành những văn bản đó”, “Chủ tịch Ủy ban nhân dân có quyền đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ những văn bản sai trái của các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân và các văn bản sai trái của Ủy ban nhân dân cấp dưới, đình chỉ thi hành nghị quyết sai trái của Hội đồng nhân dân cấp dưới, đồng thời đề nghị Hội đồng nhân dân cấp mình bãi bỏ những nghị quyết đó”.*

2.4. Cơ quan xét xử

Điều 127 Hiến pháp năm 1992 quy định “Toà án nhân dân tối cao, các Toà án nhân dân địa phương, các Toà án quân sự và các Toà án khác do luật định là những cơ quan xét xử của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trong tình hình đặc biệt, Quốc hội có thể quyết định thành lập Toà án đặc biệt”.

Như vậy, hệ thống cơ quan xét xử của nước ta bao gồm:

- Toà án nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân địa phương;
- Toà án quân sự;
- Các toà án khác do luật định.

Khác với cơ quan hành chính nhà nước được tổ chức ở cấp trung ương và ba cấp ở địa phương (tỉnh, huyện và xã), tòa án nhân dân chỉ được tổ chức ở cấp trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện. Ở cơ sở chỉ thành lập các tổ chức thích hợp của nhân dân để giải quyết những việc vi phạm pháp luật và tranh chấp nhỏ theo quy định của pháp luật.

Để nâng cao chất lượng của công tác xét xử trên thực tế, trong cơ cấu tổ chức của Tòa án nhân dân tỉnh và Tòa án nhân dân tối cao còn có các tòa chuyên trách như Tòa Hình sự, Tòa Dân sự, Tòa Kinh tế, Tòa Lao động và Tòa Hành chính. Tuy nhiên, việc thành lập các tòa chuyên trách không áp dụng đối với Tòa án nhân dân huyện.

Ngoài ra, trong hệ thống tòa án nhân dân của Việt Nam còn có Tòa án quân sự. Nói cách khác, tòa án quân sự không phải là một hệ thống tòa án độc lập mà là một bộ phận của hệ thống tòa án nhân dân, được tổ chức trong quân đội nhân dân Việt Nam để xét xử những vụ án mà bị cáo là quân nhân tại ngũ hoặc những vụ án khác theo quy định của pháp luật. Tòa án quân sự gồm có Tòa án quân sự trung ương, Tòa án quân sự quân khu và tương đương và Tòa án quân sự khu vực. Tòa án quân sự trung ương là một bộ phận thuộc cơ cấu tổ chức của Tòa án nhân dân tối cao, cùng với các bộ phận hợp thành khác như Tòa Hình sự, Dân sự, Kinh tế, Lao động, Hành chính và các Tòa phúc thẩm...

Chức năng của Tòa án được quy định tại Điều 1 Luật Tổ chức toà án nhân dân năm 2002, theo đó: “Toà án nhân dân tối cao, các Toà án nhân dân địa phương, các Toà án quân sự và các Toà án khác do luật định là các cơ quan xét xử của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Toà án xét xử những vụ án hình sự, dân sự, hôn nhân gia đình, lao động, kinh tế, hành chính và giải quyết những việc khác theo quy định của pháp luật”.

Giống như các cơ quan nhà nước khác, cơ quan xét xử cũng do cơ quan quyền lực nhà nước thành lập, theo đó Chánh án tòa án nhân dân tối cao do Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm (điểm 7 Điều 84 Hiến pháp năm 1992), chánh án Tòa án nhân dân



Một vụ xét xử của tòa án

tối cao chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội; trong thời gian Quốc hội không họp thì chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Ủy ban thường vụ Quốc hội và Chủ tịch nước, chánh án Tòa án nhân dân địa phương chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân (Điều 135 Hiến pháp năm 1992).

Tuy nhiên, mặc dù Tòa án là cơ quan xét xử trực thuộc cơ quan quyền lực nhà nước nhưng trong hoạt động của mình, Tòa án độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, cơ quan quyền lực nhà nước không được can thiệp vào hoạt động xét xử của Tòa án. Điều 130 Hiến pháp năm 1992 quy định đã rõ vấn đề này: “Khi xét xử, thẩm phán và hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật”.

2.5. Cơ quan kiểm sát

Theo quy định của Hiến pháp năm 1992, hệ thống cơ quan kiểm sát bao gồm Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân địa phương và Viện kiểm sát quân sự. Điều 137 Hiến pháp năm 1992 quy định: “*Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp, góp phần bảo đảm cho pháp luật được thực hiện nghiêm chỉnh và thống nhất. Các Viện kiểm sát nhân dân địa phương, các Viện kiểm sát quân sự thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong phạm vi trách nhiệm do luật định*”.



Kiểm sát viên đang làm việc tại một phiên xét xử

Như vậy, Viện kiểm sát đóng vai trò là cơ quan thực hiện quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp, góp phần bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất. Trước khi Hiến pháp năm 1992 được sửa đổi, bổ sung năm 2001, Viện kiểm sát ở Việt Nam thực hiện hai chức năng là thực hành quyền công tố và kiểm sát chung. Tuy nhiên, hiện nay chức năng kiểm sát chung của Viện kiểm sát đã được thu hẹp lại ở mức độ kiểm sát các hoạt động tư pháp. Ở đây cần phân biệt chức năng *kiểm sát hoạt động tư pháp* của Viện kiểm sát với chức năng *giám sát hoạt động tư pháp* của Quốc hội. Kiểm sát hoạt động tư pháp là việc kiểm tra, giám sát trong nội bộ ngành tư pháp, mang tính nghiệp vụ còn giám sát hoạt động tư pháp là việc kiểm tra, giám sát của cơ quan quyền lực nhà nước đối với cơ quan tư pháp, tức là của cơ quan này đối với cơ quan khác chứ không phải trong nội bộ ngành và mang tính chất chính trị nhiều hơn là tính chất nghiệp vụ.

Theo nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, quyền lực nhà nước là thống nhất, không phân chia nhưng có sự phân công, phối hợp trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp thì cơ quan kiểm sát cũng do cơ quan quyền lực nhà nước hình thành nên. Theo đó, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao do Quốc hội bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm (điểm 7 Điều 84 Hiến pháp năm 1992), chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội và Chủ tịch nước (Điều 139 Hiến pháp năm 1992). Nhiệm kỳ của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao theo nhiệm kỳ của Quốc hội.

2.5.1. Hệ thống Viện kiểm sát nhân dân

Giống như cơ quan xét xử, Viện kiểm sát nhân dân không tổ chức tương ứng đầy đủ với các đơn vị hành chính lãnh thổ. Theo đó, hệ thống Viện kiểm sát nhân dân bao gồm:

- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân địa phương (chỉ bao gồm cấp tỉnh và cấp huyện);
- Viện kiểm sát quân sự: Bao gồm Viện kiểm sát quân sự trung ương, Viện kiểm sát quân sự quân khu và tương đương và Viện kiểm sát quân sự khu vực. Viện kiểm sát quân sự trung ương thuộc cơ cấu của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, còn Viện kiểm sát quân sự quân khu và Viện kiểm sát quân sự khu vực được thành lập tùy thuộc vào từng thời kỳ cụ thể và căn cứ vào nhiệm vụ, tổ chức của Quân đội nhân dân. Hiện nay, trực thuộc Viện kiểm sát quân sự trung ương có 8 Viện kiểm sát quân khu, 4 Viện kiểm sát quân chủng và 4 Viện kiểm sát quân đoàn.

Ở đây cần chú ý Viện kiểm sát quân sự không phải là một hệ thống cơ quan kiểm sát độc lập mà là một bộ phận cấu thành hệ thống Viện kiểm sát nhân dân, có chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong quân đội. Do đó, Viện kiểm sát quân sự trung ương là một bộ phận thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, bên cạnh các bộ phận cấu thành khác như các Vụ, Cục, Viện, Văn phòng... Người đứng đầu Viện kiểm sát quân sự trung ương là phó viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Các Viện kiểm sát quân sự quân khu và khu vực là cơ quan trực thuộc Viện kiểm sát quân sự trung ương.

2.5.2. Cách thức hình thành Viện kiểm sát nhân dân

Viện kiểm sát nhân dân được tổ chức hoạt động theo nguyên tắc tập trung thống nhất ngành dọc và chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quyền lực Nhà nước. Tính tập trung, thống nhất ngành dọc thể hiện ở chỗ, viện trưởng, phó viện trưởng, kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân và Viện kiểm sát quân sự các cấp đều do viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức. Riêng đối với phó viện trưởng, kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao thì do Chủ tịch nước bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức. Chính vì vậy, viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao sẽ thực hiện quyền lãnh đạo thống nhất trong toàn ngành.

Hơn nữa, để đảm bảo chức năng giám sát của cơ quan quyền lực Nhà nước thì các Viện trưởng của Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân địa phương phải chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội, Hội đồng nhân dân và trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

TÓM LƯỢC CUỐI BÀI

Những vấn đề cần ghi nhớ trong bài 2:

- Bài này nghiên cứu cơ cấu tổ chức bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Theo quy định của Hiến pháp năm 1992 và các văn bản pháp luật về tổ chức bộ máy nhà nước thì bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay bao gồm 5 cơ quan, đó là:
 - Cơ quan quyền lực Nhà nước (cơ quan lập pháp) bao gồm: Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp;
 - Chủ tịch nước;
 - Cơ quan quản lý Nhà nước (cơ quan hành chính Nhà nước, cơ quan hành pháp) bao gồm Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp, Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Sở, Phòng, Ban...
 - Cơ quan xét xử bao gồm: Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân địa phương (tỉnh, huyện), Tòa án quân sự và các tòa án khác do luật định;
 - Cơ quan kiểm sát bao gồm: Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân địa phương (tỉnh, huyện) và Viện kiểm sát quân sự.

CÂU HỎI THƯỜNG GẶP

1. Ở Việt Nam, Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước của địa phương.
2. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tổ chức theo nguyên tắc tam quyền phân lập, bao gồm ba cơ quan độc lập là lập pháp, hành pháp và tư pháp.
3. Hội Luật gia Việt Nam là cơ quan tư pháp trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
4. Quốc hội, Chính phủ, Tòa án, Viện kiểm sát là những cơ quan quyền lực Nhà nước.
5. Trong hoạt động của mình, Hội đồng nhân dân phải báo cáo công tác trước Ủy ban nhân dân.

CÂU HỎI CUỐI BÀI

1. Trình bày tổ chức bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Cơ cấu của các cơ quan Nhà nước, phân loại cơ quan Nhà nước ở nước ta?
2. Bản chất Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và phương hướng xây dựng, phát triển?